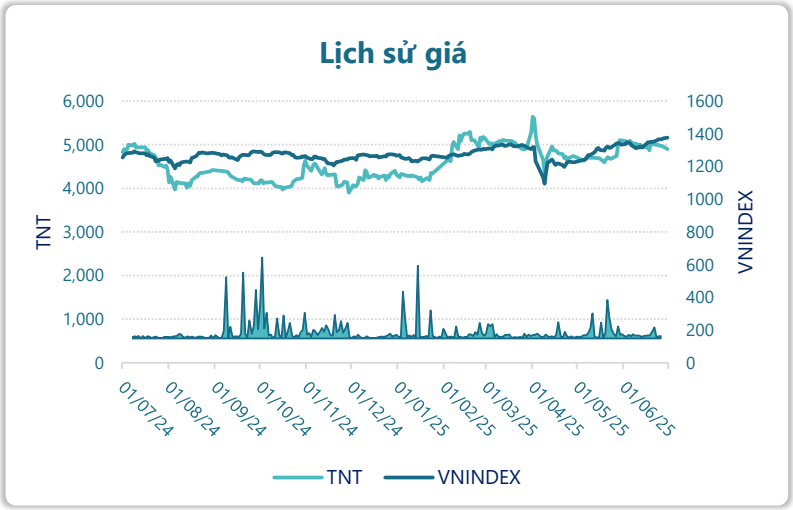
FireAnt

CTCP Tập đoàn TNT (HSX: TNT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,640
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
SL cổ phiếu LH	51,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,960
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	76.7
EPS	64

DT thuần

Q2/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 29.2%

YoY: ▼183| -58.2%

LN sau thuế

Q2/25

0.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.35| -89.1%

YoY: ▲ 0.14| 28.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.5%

+/- YoY: ▼ 7.0%

DT thuần

6T 2025

234

tỷ VNĐ

YoY: ▼276| -54.1%

LN sau thuế

6T 2025

6.65

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.82| 73.5%

ROE

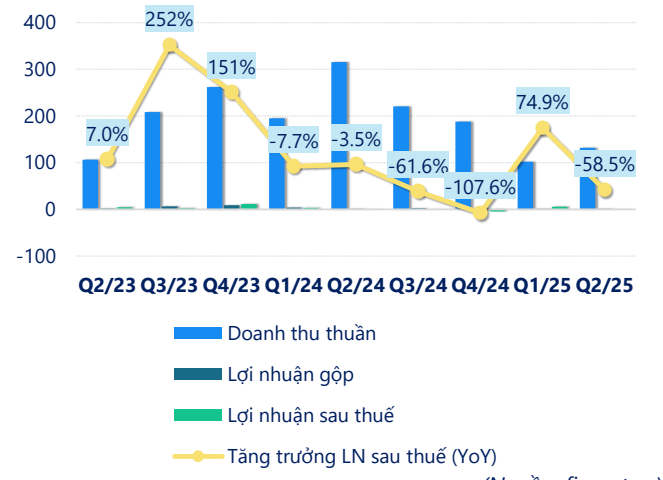
Q2/25

0.5%

+/- YoY: ▼ 2.3%

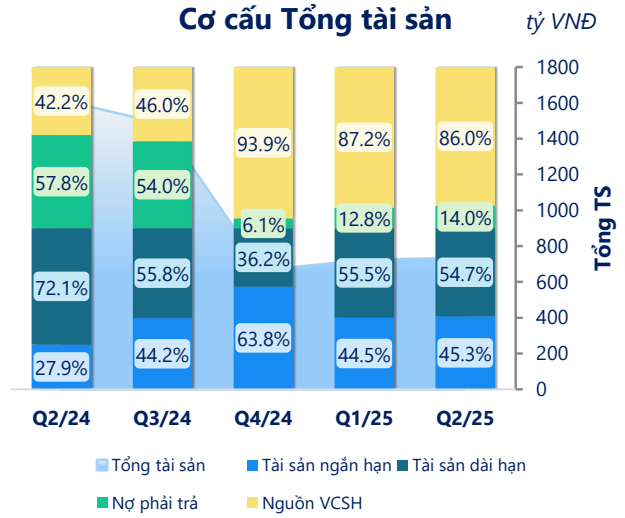
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



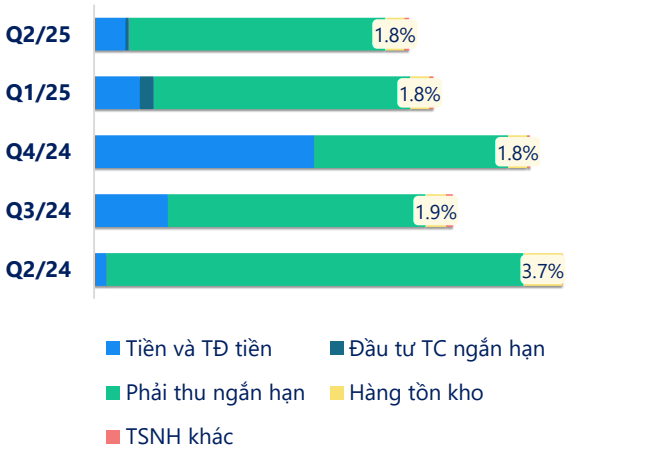
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



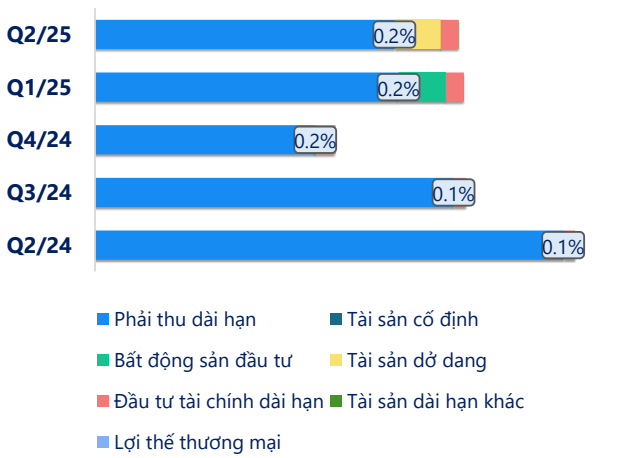
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



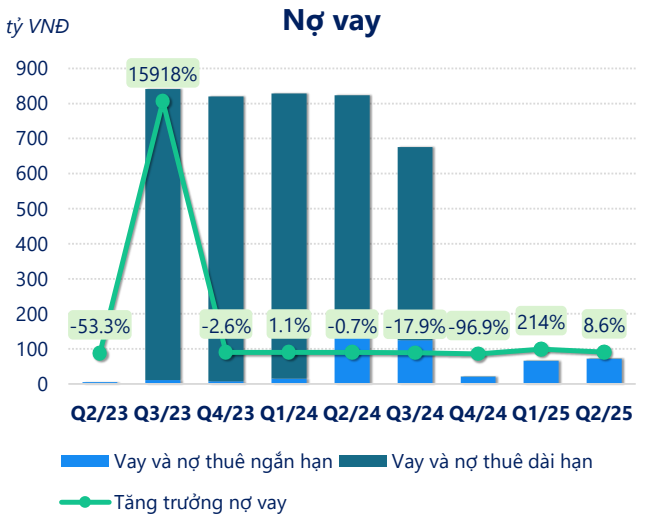
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



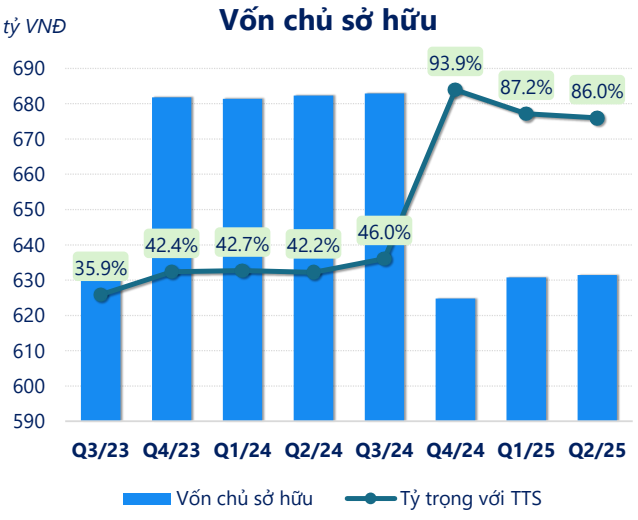
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



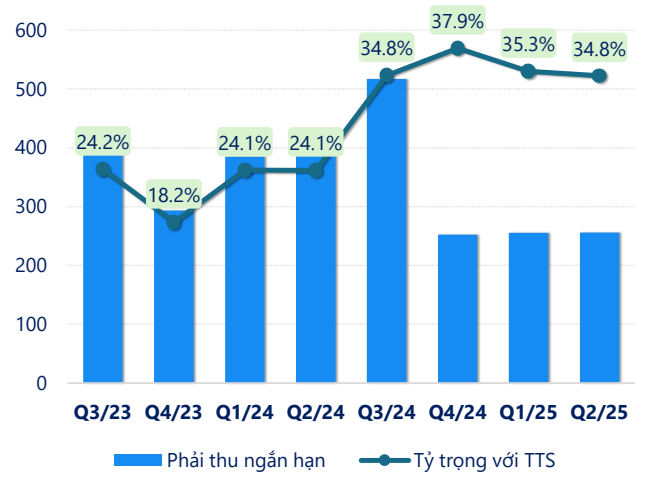
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



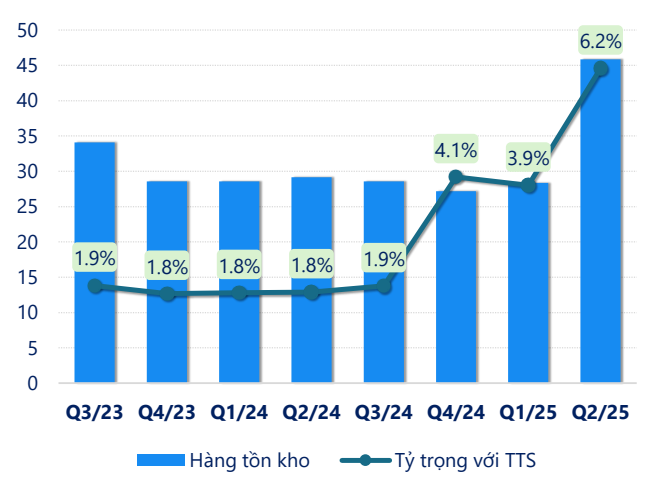
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



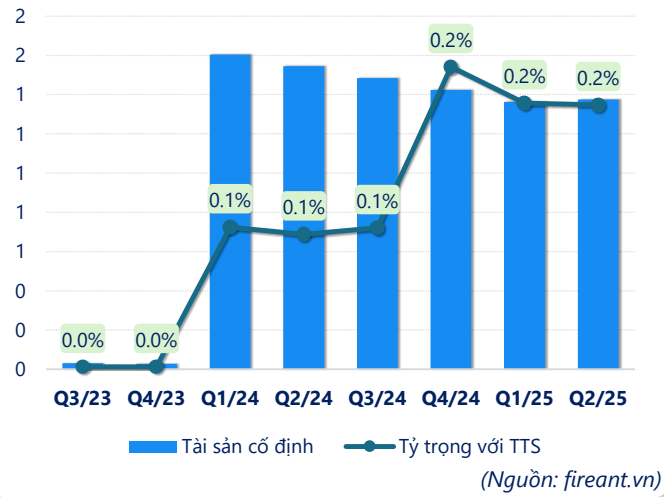
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



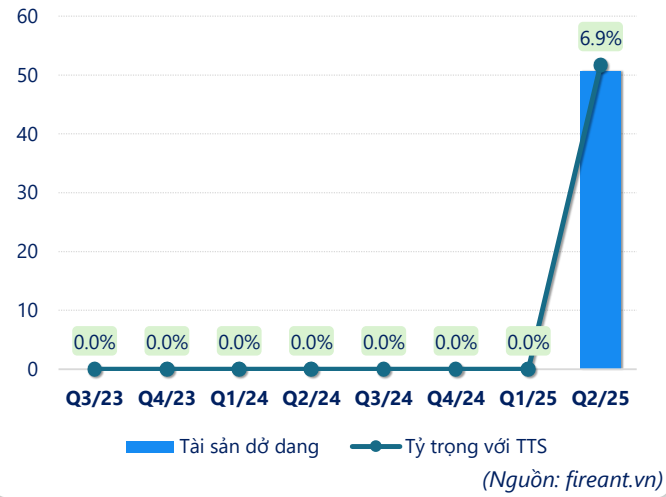
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



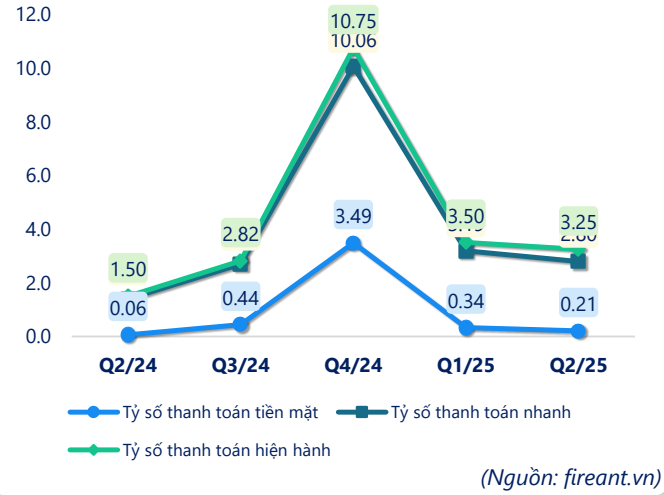
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



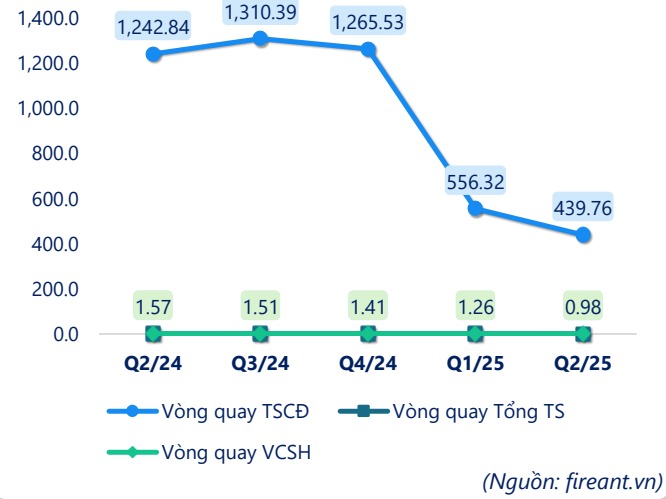
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,616**	**1,483**	**665**	**724**	**735**
Tài sản ngắn hạn	**450**	**656**	**424**	**322**	**333**
Tiền và tương đương tiền	18.8	103	138	31.0	21.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.34	0.02	0.02	0.02	1.06
Phải thu ngắn hạn	390	517	252	256	256
Hàng tồn kho	29.2	28.6	27.2	28.4	45.8
Tài sản ngắn hạn khác	7.23	7.26	7.20	7.33	8.68
Tài sản dài hạn	**1,166**	**828**	**241**	**401**	**402**
Phải thu dài hạn	1,137	799	220	330	330
Tài sản cố định	1.54	1.48	1.42	1.36	1.38
Bất động sản đầu tư	0	0	0	50.7	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	50.7
Đầu tư tài chính dài hạn	26.7	26.7	19.5	19.5	19.5
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.06	0.05	0.03	0.02
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**934**	**800**	**40.2**	**92.7**	**103**
Nợ ngắn hạn	**300**	**233**	**39.5**	**92.0**	**103**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	190	125	20.3	65.5	71.2
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	12.9	11.1	14.8	23.3
Nợ dài hạn	633	568	0.76	0.70	0.64
Vay và nợ thuê dài hạn	633	550	0.76	0.70	0.64
Nguồn vốn chủ sở hữu	**682**	**683**	**625**	**631**	**631**
Vốn chủ sở hữu	**682**	**683**	**625**	**631**	**631**
Vốn điều lệ	510	510	510	510	510
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)